TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** TỈNH NINH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 5 - 2023
V/v tranh chấp: "Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng.

Các Hội thẩm N dân: 1. Ông Lê Đình Nguyên.

2. Ông Trần Hoàng Liên.

- Thư kY phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh - Thư kY Tòa án N dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Vện kiểm sát N dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát Vên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án N dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lY số: 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị C - sinh năm 1977 *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

Địa chỉ: Khu phố 02, phường MB, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc Â - sinh năm 1973 *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

Địa chỉ: Khu phố 03, phường MB, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 01 năm 2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn là bà Lê Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn N: Bà và ông Nguyễn Ngọc Â tự nguyện tìm hiểu và quen biết nhau khoảng gần 01 năm thì tiến tới hôn N, có tổ chức đám cưới, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997, đăng kY kết hôn tại Uỷ ban N dân phường V, thành phố

Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận ngày 10/10/1997. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2007 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên N là do ông Â ngoại tình với người phụ nữ khác nhưng vì lúc này bà đang mang thai đứa con thứ 03 nên bỏ qua cho ông Â; vợ chồng tiếp tục chung sống đến năm 2013 thì tiếp tục nảy sinh mâu thuẫn; nguyên N là do trong đời sống chung vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã nhau. Sau đó ông Â bỏ mặc mẹ con bà, về nhà cha mẹ ruột sống. Vợ chồng ly thân đã 10 năm nay, không ai quan tâm đến ai, mặc ai nấy sống. Bà không còn tình cảm với ông Â nên khởi kiện ly hôn ông Â.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Ngọc Â có 03 con chung là Nguyễn Ngọc Như Y - sinh ngày 19/7/1998; Nguyễn Ngọc Huyền V - sinh ngày 25/12/2001 và Nguyễn Ngọc N - sinh ngày 14/4/2007. Các con là Y và V đã trưởng thành, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên khi ly hôn bà không có yêu cầu gì. Còn con chung là N chưa trưởng thành, từ khi ông Â bỏ mẹ con bà đi thì bà nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con nên khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và không yêu cầu ông Â cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông Nguyễn Ngọc Â không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại "Đơn xin xét xử vắng mặt" ngày 10/4/2023, nguyên đơn là bà Lê Thị C vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và những Y kiến đã khai tại Tòa án.

Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc Â trình bày tại "Biên bản lấy lời khai" ngày 03/3/2023; trong quá trình tố tụng tại tòa án như sau:

Về quan hệ hôn N: Ông và bà Lê Thị C tự nguyện tìm hiểu và quen biết nhau một thời gian thì tiến tới hôn N, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997; đến ngày 10/10/1997 đi đăng kY kết hôn tại Ủy ban N dân phường V, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu rồi phát sinh mâu thuẫn, nguyên N là do vợ chồng hay chấp vặt nhau những C Vệc hàng ngày nên xảy ra cãi vã nhưng vì các con còn nhỏ nên cố gắng chịu đựng nhau, tiếp tục chung sống. Đến năm 2013 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, nguyên N là do ông phát hiện bà C ngoại tình với người đàn ông khác nên vợ chồng cãi vã. Ông tức giận, tự bỏ về nhà cha mẹ của ông sống. Vợ chồng không chung sống đã 10 năm nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Ông không còn tình cảm với bà C, không mong muốn hàn gắn mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ nên đồng Y ly hôn theo yêu cầu của bà C.

Về con chung: Ông và bà Lê Thị C có 03 con chung là Nguyễn Ngọc Như Y - sinh ngày 19/7/1998; Nguyễn Ngọc Huyền V - sinh ngày 25/12/2001 và Nguyễn Ngọc N - sinh ngày 14/4/2007. Các con là Y và V đã trưởng thành, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên khi ly hôn ông không có yêu cầu gì. Còn con chung là N chưa trưởng thành, từ khi ông bỏ đi thì con chung do bà C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nên khi ly hôn ông đồng Y giao cho bà Lê Thị C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà Lê Thị C không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại "Đơn xin vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại tòa án và xin xét xử vắng mặt" ngày 29/3/2023, bị đơn là ông Nguyễn Ngọc Â vẫn giữ nguyên các Y kiến đã trình bày tại Tòa án và xin xét xử vắng mặt.

Y kiến của Đại diện Vện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư kY, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lY vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về Vệc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn từ khi thụ lY vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự *(Vết tắt là BLTTDS)* và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn từ khi thụ lY vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, có lời trình bày và đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của BLTTDS, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị C.

Về hôn N: Bà Lê Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc Â.

Về con chung: Giao 01 con chung là Nguyễn Ngọc N - sinh ngày 14/4/2007 cho bà Lê Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; ông Nguyễn Ngọc Â không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với ông Nguyễn Ngọc Â có nơi cư trú tại khu phố 03, phường MB, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2]. Về Vệc vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Tại "Đơn xin xét xử vắng mặt" ngày 10/4/2023, nguyên đơn là bà Lê Thị C xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, những Y kiến đã khai tại Tòa án. Tại "Đơn xin vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại tòa án và xin xét xử vắng mặt" ngày 29/3/2023, bị đơn là ông Nguyễn Ngọc Â xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên các Y kiến đã khai tại Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn N: Bà Lê Thị C và ông Nguyễn Ngọc Â đều xác nhận tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 1997, đã thực hiện thủ tục đăng kY kết hôn theo quy định. Căn cứ Giấy đăng kY kết hôn số: 98 ngày 10/10/1997 của Uỷ ban N dân phường Văn Hải, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận; Hội đồng xét xử xác định hôn N giữa bà C và ông Â là hợp pháp.

[2.2]. Về tình trạng hôn N: Bà Lê Thị C và ông Nguyễn Ngọc Â chung sống hạnh phúc từ năm 1997 đến năm 2007 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn và đến năm 2013 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng; nguyên N xuất phát từ Vệc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về tình cảm nên cãi vã, xúc phạm nhau dẫn đến tình cảm bị rạn nứt, ông Â tự bỏ đi. Vợ chồng không sống chung 10 năm nay, không quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống, không có thiện chí hàn gắn để đoàn tụ. Bà C yêu cầu được ly hôn và ông Â cũng đồng Y. Xét thấy, cuộc sống hôn N giữa bà C và ông Â đã đến mức trầm trọng , đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu của bà C được ly hôn ông Â là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và pháp luật.

[2.3]. Về con chung: Bà Lê Thị C và ông Nguyễn Ngọc Â có 01 con chung chưa trưởng thành tên là Nguyễn Ngọc N - sinh ngày 14/4/2007, hiện do bà C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Â thống nhất theo yêu cầu của bà C về Vệc giao cho bà C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con; phù hợp với nguyện vọng của cháu N tại "Bản tự khai" ngày 09/3/2023 là được sống với mẹ và phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn N và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị C không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc Â cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị C và ông Nguyễn Ngọc Â đều xác nhận không có tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Vện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lY và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Lê Thị C phải chịu toàn bộ án phí Hôn N gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn N và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lY và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C.

1. Về quan hệ hôn N: Bà Lê Thị C được ly hôn ông Nguyễn Ngọc Â.

2. Về con chung: Giao cho bà Lê Thị C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung là Nguyễn Ngọc N - sinh ngày 14/4/2007.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Ngọc Â không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng Vệc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến Vệc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về án phí: Bà Lê Thị C phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí Hôn N gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004897 ngày 05/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Lê Thị C đã nộp đủ án phí Hôn N gia đình sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử C khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- Chi cục THADS Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- UBND phường Văn Hải (Số 98, quyển số 01/1997, ngày 10/10/1997);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Hồng